**KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ PHÂN TÍCH NGHIỆP VỤ**

1. **Hiện trạng**

Mua bán trực tuyến ngày càng phổ biến do sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng internet. Người mua hàng cảm thấy thoải mái và an toàn khi mua hàng trực tuyến nhất là trong khoảng thời gian diễn biến phức tạp của đại dịch covid-19. Việc mua bán trực tuyến giúp người mua hàng tiết kiệm được nhiều thời gian hơn khi lựa chọn hàng hóa, lúc này khách hàng có thể tìm hiểu thông tin kỹ hơn về mặt hàng mình sắp mua, có thể so sánh được giá cả, dịch vụ. Đặc biệt, người tiêu dùng có thể tiếp cận được các mặt hàng có vị trí địa lý cách xa mình – 1 điều mà mua bán truyền thống khó làm được.

1. **Mô tả**

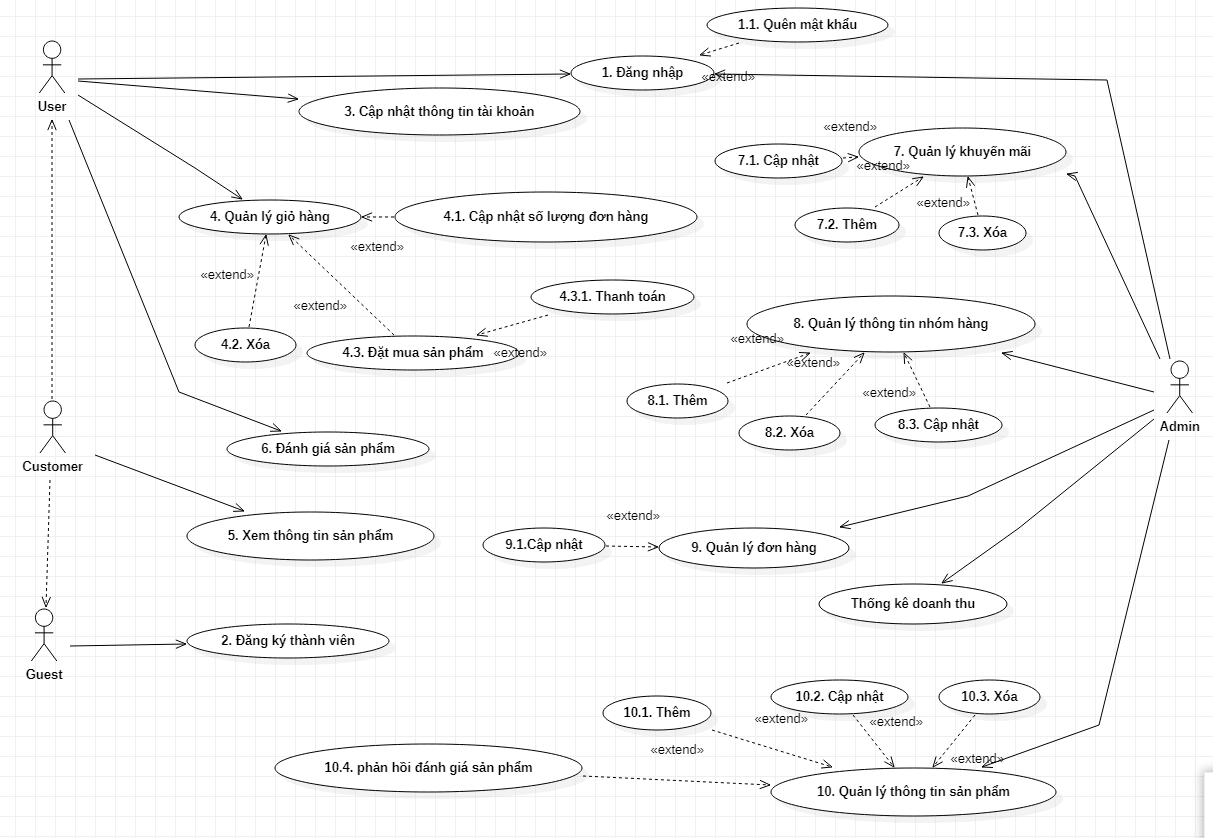
Website bán hàng sẽ là một cửa hàng thương mại điện tử, nơi mà khách hàng có thể lên xem sản phẩm, xem thông tin chi tiết từng mặt hàng, khuyến mãi, đặt hàng, xem đơn hàng. Ngoài ra, website còn có chức năng cho người quản trị cập nhật sản phẩm, quản lý đơn hàng, thống kê doanh thu,...

1. **Phân tích yêu cầu chức năng**

Website được xây đựng để phục vụ 2 đối tượng chính là Người quản trị và Khách hàng. Dưới đây là chức năng ứng với từng đối tượng:

* Người quản trị:
* Đăng nhập
* Quản lý thông tin nhóm hàng, sản phẩm
* Quản lý thông tin khuyến mãi
* Quản lý đơn hàng
* Thống kê doanh thu
* Khách hàng: được chia làm 2 đối tượng:
  + Xem thông tin sản phẩm
* Guest(Khách viếng thăm):
  + Đăng ký thành viên
* User(Khách hàng đã đăng ký):
* Đăng nhập
* Cập nhật thông tin tài khoản
* Gửi đánh giá sản phẩm
* Đặt mua sản phẩm
* Quản lý giỏ hàng

1. **Biểu đồ use case tổng quát**



1. **Nghiệp vụ của từng chức năng**
   1. Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-1 |
| Use Case Name | Đăng nhập |
| Description | Người dùng muốn đăng nhập vào trang web để sử dụng |
| Actor(s) | Admin, User |
| Trigger | Người dùng muốn đăng nhập vào trang web |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản |
| Post-Condition(s) | - Người dùng đăng nhập thành công  - Hệ thống ghi nhận hoạt động |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn đăng nhập 3. Nhập thông tin tài khoản và chọn lệnh đăng nhập 4. Hệ thống xác thực và đăng nhập thành công 5. Hệ thống ghi nhận hoạt động |
| Alternative Flow | (không có, có thể bổ sung các phương thức khác sau) |
| Exception Flow | 4a. Hệ thống xác thực đăng nhập không thành công  4a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập  *Use case dừng lại*  4a2. Người dùng thực hiện bước 3 ở trên  4a3. Người dùng chọn lệnh quên mật khẩu  *Use case tiếp tục use case 1.2* |

* 1. Đăng ký

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-2 |
| Use Case Name | Đăng ký |
| Description | Người dùng muốn đăng ký thành viên |
| Actor(s) | Guest |
| Trigger | Người dùng muốn đăng ký thành viên |
| Pre-Condition(s) | Người dùng chưa có tài khoản |
| Post-Condition(s) | - Người dùng đăng ký thành công  - Hệ thống ghi nhận tài khoản đã đăng ký |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn đăng ký 3. Nhập thông tin theo yêu cầu và chọn lệnh đăng ký 4. Hệ thống gửi mail xác nhận 5. Người dùng xác nhận 6. Hệ thống ghi nhận đăng ký thành công |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 4a. Nhập thiếu hoặc sai thông tin  *Quay lại bước 3*  5a. Người dùng không xác nhận.  5b. Hủy đăng ký sau 15 phút |

* 1. Quên mật khẩu

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-1.1 |
| Use Case Name | Lấy lại mật khẩu |
| Description | Người dùng muốn lấy lại mật khẩu |
| Actor(s) | Admin, User |
| Trigger | Người dùng muốn lấy lại mật khẩu |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản |
| Post-Condition(s) | - Người dùng thay đổi mật khẩu và đăng nhập thành công  - Hệ thống ghi nhận thay đổi |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn đăng nhập 3. Người dùng chọn quên mật khẩu 4. Người dùng nhập mail và chọn lệnh gửi 5. Hệ thống gửi mail xác nhận 6. Người dùng sửa mật khẩu và chọn lệnh xác nhận 7. Hệ thống ghi nhận thành công |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Nhập sai thông tin mail  *Quay lại bước 4* |

* 1. Cập nhật thông tin tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-3 |
| Use Case Name | Cập nhật thông tin tài khoản |
| Description | Người dùng muốn cập nhật thông tin tài khoản |
| Actor(s) | Admin, User |
| Trigger | Người dùng muốn cập nhật thông tin tài khoản |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản |
| Post-Condition(s) | - Người dùng thay đổi thông tin tài khoản  - Hệ thống ghi nhận thay đổi |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn tài khoản -> cập nhật 3. Người dùng thay đổi thông tin và chọn lệnh cập nhật 4. Hệ thống ghi nhận thành công |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 4a. Nhập thiếu hoặc sai thông tin  *Quay lại bước 3* |

* 1. Quản lý giỏ hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-4 |
| Use Case Name | Quản lý giỏ hàng |
| Description | Người dùng muốn xem, cập nhật số lượng, xóa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Actor(s) | User |
| Trigger | Người dùng muốn xem, cập nhật số lượng, xóa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản |
| Post-Condition(s) | Hiển thị các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn giỏ hàng 3. Hệ thống hiển thị các sản phẩm người dùng đã chọn |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 3a. Giỏ hàng không có sản phẩm nào, hiện thông báo  *Use case kết thúc* |

* 1. Cập nhật số lượng đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-4.1 |
| Use Case Name | Cập nhật số lượng đơn hàng |
| Description | Người dùng muốn cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng |
| Actor(s) | User |
| Trigger | Người dùng muốn cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản  Giỏ hàng đã có sản phẩm  Sản phẩm vẫn còn đủ số lượng |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận số lượng đơn hàng của sản phẩm trong giỏ |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn giỏ hàng 3. Người dùng chọn sản phẩm cần cập nhật 4. Người dùng thay đổi số lượng 5. Thay đổi thành công, hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 3a. Giỏ hàng không có sản phẩm nào, hiện thông báo  *Use case kết thúc*  5a. Thay đổi không hợp lệ, hiển thị thông báo  *Quay lại bước 4* |

* 1. Xóa sản phẩm trong giỏ hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-4.2 |
| Use Case Name | Xóa sản phẩm trong giỏ hàng |
| Description | Người dùng muốn xóa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Actor(s) | User |
| Trigger | Người dùng muốn xóa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản  Giỏ hàng đã có sản phẩm |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn giỏ hàng 3. Người dùng xóa sản phẩm 4. Xóa thành công, hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 3a. Giỏ hàng không có sản phẩm nào, hiện thông báo  *Use case kết thúc* |

* 1. Đặt mua sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-4.3 |
| Use Case Name | Đặt mua sản phẩm |
| Description | Người dùng muốn mua các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Actor(s) | User |
| Trigger | Người dùng muốn mua các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản  Giỏ hàng đã có sản phẩm |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công  Gửi mail thông báo |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Người dùng chọn giỏ hàng 3. Người dùng chọn phương thức thanh toán 4. Người dùng chọn đặt hàng 5. Thực hiện thanh toán (UC-4.3.1) 6. Đặt hàng thành công, hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 6a. Thanh toán không thành công  *Quay lại bước 4* |

* 1. Thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-4.3.1 |
| Use Case Name | Thanh toán |
| Description | Người dùng thanh toán đơn hàng |
| Actor(s) | User |
| Trigger | Người dùng thanh toán đơn hàng |
| Pre-Condition(s) | Người dùng đã có tài khoản  Giỏ hàng đã có sản phẩm  Người dùng chọn lệnh đặt hàng |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn đặt hàng 2. Thực hiện thanh toán 3. Thanh toán thành công, thực hiện tiếp UC-4.3 |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 3a. Thanh toán không thành công  *Quay lại UC-4.3* |

* 1. Xem thông tin sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-5 |
| Use Case Name | Xem thông tin sản phẩm |
| Description | Người dùng xem thông tin sản phẩm |
| Actor(s) | User, Admin, Guest |
| Trigger | Người dùng muốn xem thông tin sản phẩm |
| Pre-Condition(s) | Có thể truy cập trang web |
| Post-Condition(s) | Hiển thị thông tin sản phẩm |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn 1 sản phẩm cần xem 3. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |

* 1. Gửi đánh giá sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-6 |
| Use Case Name | Gửi đánh giá sản phẩm |
| Description | Người dùng đánh giá sản phẩm |
| Actor(s) | User |
| Trigger | Người dùng muốn đánh giá sản phẩm |
| Pre-Condition(s) | Đã mua sản phẩm |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn sản phẩm cần đánh giá 3. Viết đánh giá và chọn lệnh gửi 4. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |

* 1. Quản lý khuyến mãi

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-7 |
| Use Case Name | Quản lý khuyến mãi |
| Description | Người dùng xem, thêm, cập nhật, xóa khuyến mãi |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xem, cập nhật, xóa khuyến mãi |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý khuyến mãi 3. Hệ thống hiển thị các thông tin khuyến mãi |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |

* 1. Cập nhật thông tin khuyến mãi

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-7.1 |
| Use Case Name | Cập nhật thông tin khuyến mãi |
| Description | Người dùng cập nhật thông tin khuyến mãi |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn cập nhật thông tin khuyến mãi |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý khuyến mãi 3. Chọn khuyến mãi cần cập nhật 4. Cập nhật khuyến mãi và chọn cập nhật 5. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Thông tin không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Thêm thông tin khuyến mãi

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-7.2 |
| Use Case Name | Thêm thông tin khuyến mãi |
| Description | Người dùng thêm thông tin khuyến mãi |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn thêm thông tin khuyến mãi |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý khuyến mãi 3. Chọn nhóm hàng, sản phẩm cần thêm khuyến mãi 4. Thêm các thông tin khuyến mãi cho sản phẩm đã chọn và chọn lệnh thêm 5. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 4a. Sản phẩm đã có khuyến mãi, hiển thị thông báo  *Quay lại bước 2*  5a. Thông tin khuyến mãi không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Xóa thông tin khuyến mãi

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-7.3 |
| Use Case Name | Xóa thông tin khuyến mãi |
| Description | Người dùng xóa thông tin khuyến mãi |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xóa thông tin khuyến mãi |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý khuyến mãi 3. Chọn khuyến mãi cần xóa và chọn lệnh xóa 4. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (không có) |

* 1. Quản lý nhóm hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-8 |
| Use Case Name | Quản lý nhóm hàng |
| Description | Người dùng xem, thêm, cập nhật, xóa nhóm hàng |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xem, thêm, cập nhật, xóa nhóm hàng |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý nhóm hàng 3. Hệ thống hiển thị các thông tin về nhóm hàng |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |

* 1. Thêm nhóm hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-8.1 |
| Use Case Name | Thêm nhóm hàng |
| Description | Người dùng thêm nhóm hàng |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn thêm nhóm hàng |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý nhóm hàng 3. Chọn lện thêm nhóm hàng 4. Nhập nhóm hàng cần thêm vào form và chọn lệnh thêm 5. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Thông tin nhóm hàng không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Xóa nhóm hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-8.2 |
| Use Case Name | Xóa nhóm hàng |
| Description | Người dùng xóa nhóm hàng |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xóa nhóm hàng |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý nhóm hàng 3. Chọn nhóm hàng cần xóa và chọn lệnh xóa 4. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (không có) |

* 1. Cập nhật nhóm hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-8.3 |
| Use Case Name | Cập nhật nhóm hàng |
| Description | Người dùng cập nhật nhóm hàng |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn cập nhật nhóm hàng |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý nhóm hàng 3. Chọn nhóm hàng cần cập nhật 4. Cập nhật nhóm hàng và chọn cập nhật 5. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Thông tin không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Quản lý đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-9 |
| Use Case Name | Quản lý đơn hàng |
| Description | Người dùng xem, cập nhật, xóa đơn hàng |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xem, cập nhật, xóa đơn hàng |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý đơn hàng 3. Hệ thống hiển thị các thông tin về đơn hàng |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |

* 1. Cập nhật đơn hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-9.1 |
| Use Case Name | Cập nhật thông tin đơn hàng |
| Description | Người dùng cập nhật thông tin đơn hàng |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn cập nhật thông tin đơn hàng |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý đơn hàng 3. Chọn đơn hàng cần cập nhật 4. Cập nhật đơn hàng và chọn cập nhật 5. Hệ thống ghi nhận và gửi mail về cho người đặt hàng |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Thông tin không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Quản lý sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-10 |
| Use Case Name | Quản lý sản phẩm |
| Description | Người dùng xem, thêm, cập nhật, xóa sản phẩm |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xem, thêm, cập nhật, xóa sản phẩm |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý sản phẩm 3. Hệ thống hiển thị các thông tin về sản phẩm |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |

* 1. Thêm sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-10.1 |
| Use Case Name | Thêm sản phẩm |
| Description | Người dùng thêm sản phẩm |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn thêm sản phẩm |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý sản phẩm 3. Chọn lện thêm sản phẩm 4. Nhập sản phẩm cần thêm vào form và chọn lệnh thêm 5. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Thông tin sản phẩm không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Cập nhật sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-10.2 |
| Use Case Name | Cập nhật sản phẩm |
| Description | Người dùng cập nhật sản phẩm |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn cập nhật sản phẩm |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý sản phẩm 3. Chọn sân phẩm cần cập nhật 4. Cập nhật sản phẩm và chọn cập nhật 5. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Thông tin không hợp lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Xóa sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-10.3 |
| Use Case Name | Xóa sản phẩm |
| Description | Người dùng xóa sản phẩm |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xóa sản phẩm |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn quản lý sản phẩm 3. Chọn sản phẩm cần xóa và chọn lệnh xóa 4. Hệ thống ghi nhận |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (không có) |

* 1. Phản hồi đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-10.4 |
| Use Case Name | Phản hồi đánh giá |
| Description | Người dùng phản hồi đánh giá |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn phản hồi đánh giá |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn phản hồi đánh giá 3. Chọn đánh giá cần phản hồi 4. Trả lời đánh giá sau đó chọn lệnh gửi 5. Hệ thống ghi nhận và gửi mail đến người đã đánh giá |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | 5a. Trả lời không lệ  *Quay lại bước 4* |

* 1. Xem thông tin thống kê

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-11 |
| Use Case Name | Xem thông tin thống kê |
| Description | Người dùng xem thông tin thống kê |
| Actor(s) | Admin |
| Trigger | Người dùng muốn xem thông tin thống kê |
| Pre-Condition(s) | Là người có quyền Admin |
| Post-Condition(s) | Hệ thống ghi nhận thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập trang web 2. Chọn xem thống kê 3. Hệ thống hiển thị thông tin thống kê |
| Alternative Flow | (không có) |
| Exception Flow | (Không có) |